TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 606/2023/DS-PT
Ngày: 13/12/2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Phí Thành Chung

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Bà Nguyễn Thị Hà Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2023/TLPT-DS ngày 06/10/2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện ML, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 535/2023/QĐ-PT ngày 09/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 534/2023/QĐ-PT ngày 30/11/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ông Lê Văn T1**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Thôn PH, xã TL, huyện ML, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân M**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn PH, xã TL, huyện ML, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. **Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ML, thành phố Hà Nội**.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn G – Chủ tịch xã.

2. **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn PH, xã TL, huyện ML, thành phố Hà Nội.

3. **Anh Nguyễn Thành C**, sinh năm 1984;

4. **Anh Nguyễn Xuân L**, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Thôn PH, xã TL, huyện ML, thành phố Hà Nội.

5. **Ông Hà Văn T2**, sinh năm 1968;

6. **Bà Lê Thị H**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn NT, xã TL, huyện ML, thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của nguyên đơn là Ông Lê Văn T1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Lê Văn T1 trình bày:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi hòa giải nguyên đơn ông Lê Văn T1 trình bày: khoảng năm 1985-1998 ông có khai hoang phục hóa một thửa ruộng diện tích 65,75m2 theo vị trí trục đường liên thôn cắt với đường 35 (gần trụ sở UBND xã TL) mục đích sản xuất nông nghiệp. Khu đất này của ông giáp với đất canh tác của gia đình ông Trần Huy T3(vợ là Nguyễn Thị Q) với mục đích canh tác chuyên thả rau muống bè và trồng khoai nước.

Năm 1993, nhà nước thực hiện việc chia lại ruộng đất nông nghiệp. Mảnh đất mà ông T1 phục hóa không có trong số ô, không có số thửa nhưng vẫn sử dụng canh tác. Sau đó, vì hoàn cảnh khó khăn, ông T1 phải đi làm ăn xa nên chuyển quyền sử dụng canh tác cho ông Lê Đình H (vợ là Nguyễn Thị L) trong 2 năm 1998-1999. Đến năm 1999, ông T1 đi làm ăn về và ông H trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình ông T1 sử dụng và canh tác.

Đến năm 2000, ông Nguyễn Xuân M của thôn PH đã làm đơn khiếu nại, tranh chấp với ông T1 thửa đất mà ông đã khai hoang tại ngã ba thôn PH . Vì đây là thửa đất ông khai hoang nên ông T1 không chấp nhận cách giải quyết của UBND xã TL là thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Xuân M. Sau đó, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn ông T1 phải liên tục đi làm ăn xa. Khi về, có làm đơn khiếu nại lên UBND xã TL đề nghị xem xét, giải quyết. UBND xã TL tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được. Chính vì vậy ông T1 đã có đơn khởi kiện tại TAND huyện ML, thành phố Hà Nội, đề nghị Tòa án buộc ông M phải trả lại quyền sử dụng đất cho ông T1 .

Bị đơn ông Nguyễn Xuân M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thành C, Nguyễn Xuân L trình bày:

Gia đình ông M được HTX thôn PL cấp giao đất nông nghiệp tại những thửa như sau. Ông không nhớ cụ thể số ô thửa và tờ bản đồ nào cụ thể. Ông chỉ nhớ tên xứ đồng: Xứ ĐCĐ có 2 thửa (diện tích 1 thửa 86m2, 1 thửa 415m2); Xứ đồng gốc Xi có 1 thửa diện tích 12 thước; Xứ đồng khoảnh 1 diện tích 12 thước; Kênh hàng nghệ 4 thửa (1 thửa 5 thước, 1 thửa có diện tích 360m2, 1 thửa khoảng 3 thước, 1 thửa bao nhiêu tôi không nhớ); Xứ đồng Miều có 2 thửa (1 thửa diện tích 96m2, 1 thửa 280m2); Xứ đồng Bên Ao có diện tích 400m2(đã thu hồi); Xứ đông Cửa May có diện tích 180m2 (đã thu hồi).

Đất nông nghiệp của gia đình được chia theo NĐ64 của chính phủ, gia đình ông có 4 khẩu gồm có 2 vợ chồng và 2 con trai trung bình mỗi khẩu được chia khoảng 700m2. Diện tích ruộng tại xứ Đồng Miễu 96m2 là gia đình ông M mua lại của ông Tồ chứ không phải chia theo tiêu chuẩn. Đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân M hiện nay chưa được UBND huyện ML cấp GCNQSD Đất.

Nay ông Lê Văn T1 có đơn khởi kiện ông về việc tranh chấp đất nông nghiệp tại thửa số 32, tờ bản đồ số 17a, diện tích khoảng 78m2, vị trí xứ ĐCĐ. Từ khi được chia đất gia đình ông M vẫn canh tác và nộp sản lượng đầy đủ hàng năm. Ông M không thấy ông T1 canh tác bao giờ. Việc ông T1 cho rằng ông khai hoang phục hóa là không đúng, HTX đã giao cho gia đình ông M quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã TL trình bày:

Về nguồn gốc đất: Hộ ông Nguyễn Xuân M được giao đất nông nghiệp tại thửa số 32, tờ bản đồ 17(16), xứ ĐCĐ.

Về quá trình sử dụng: Theo sổ mục kê đất năm 2000 thôn PH tại trang 147 thể hiện thửa đất số 32, tờ bản đồ 17 (16) diện tích 69 m^2, xứ ĐCĐ, chủ sử dụng đất: Nguyễn Xuân M. Nay giữa ông T1 và ông M xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, UBND xã TL đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T2, bà Lê Thị H trình bày:

Khoảng năm 2006, vợ chồng ông bà có mua 01 thửa đất nông nghiệp của gia đình ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị H tại vị trí gần cổng UBND xã TL thửa đất số 32, tờ bản đồ 17A, diện tích 78m^2. Khi mua hai bên có viết giấy tờ chuyển nhượng viết tay có xác nhận của chính quyền địa phương. Nay Tòa án thông báo cho ông T2 bà H biết việc ông Lê Văn T1 khởi kiện ông M tại Tòa án nhân dân huyện ML về việc tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp (tại thửa đất mà ông bà đã mua của gia đình ông M). Quan điểm của ông T2 bà H, vợ chồng ông mua đất của ông M hai bên không có tranh chấp gì nên không có liên quan gì đến ông T1 và ông M. Ông T2 bà H đề nghị Tòa án không triệu tập đến hòa giải hay xét xử, ông T2 bà H đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày: bà T và ông T1 có quan hệ vợ chồng, khoảng năm 1985 - 1986 gia đình bà có khai hoang thửa đất gần UBND xã TL để trồng rau muống, cấy lúa. Đến năm 1994, bà T và ông T1 ly hôn nhau tại TAND huyện ML, thành phố Hà Nội. Ông T1 là người tiếp tục canh tác thửa ruộng đó còn bà T không làm nữa. Nay ông T1 có đơn khởi kiện tranh chấp với ông Nguyễn Xuân M về việc tranh chấp đất nông nghiệp, cụ thể vị trí thửa ruộng mà bà và ông T1 đã khai hoang trước kia. Bà T có quan điểm từ khi vợ chồng ly hôn bà không còn liên quan gì đến ông T1 nữa, ruộng bà cũng không canh tác, để cho ông T1 toàn quyền sử dụng. Việc tranh chấp giữa ông T1 và ông M bà T không có liên quan, bà đề nghị Tòa án không triệu tập bà đến Tòa để hòa giải và xét xử.

Các con của bà và ông T1 là Lê Trọng T4, sinh năm 1986, Lê Thị Hồng G, sinh năm 1987. Lúc đó các con bà còn nhỏ chưa có làm được gì nên không có công sức gì. Bà T đề nghị Tòa án không triệu tập các con bà đến làm việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Văn T1 giữ quan điểm yêu cầu gia đình ông Nguyễn Xuân M phải trả lại đất cho gia đình ông thửa ruộng số 32, tờ bản đồ 17, diện tích 69m^2.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân M, những người có quyền lợi nghĩa vụ đứng về phía bị đơn xác nhận phần đất đang có tranh chấp là của hộ gia đình được giao từ năm 1993 nên không đồng ý trả lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện ML đã quyết định:

Xử: 1. Bác đơn khởi kiện của ông Lê Văn T1 đối với ông Nguyễn Xuân M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn T1.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm được triệu tập lần thứ hai: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo. Nguyên đơn trình bày: Từ năm 2004, nguyên đơn không còn quản lý sử dụng diện tích đất nguyên đơn đang đòi bị đơn phải trả lại tại xứ ĐCĐ, thôn PH, xã TL, huyện ML, Hà Nội Bị đơn và tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện ML, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1]. Về thủ tục: Nguyên đơn Ông Lê Văn T1 kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

[**2].** Xét kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

*Về tố tụng: nguyên đơn Ông Lê Văn T1 kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân M trả lại quyền sử dụng đất tại thửa số 32, tờ bản đồ số 17a, diện tích khoảng

78m2 , vị trí xứ ĐCĐ, thôn PH, xã TL, huyện ML, Hà Nội nên theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện ML có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm được triệu tập lần thứ 2, bị đơn và tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung tranh chấp:

Khoảng năm 1985 ông Lê Văn T1 có khai hoang thửa đất có diện tích khoảng 78m^2, tại vị trí theo trục đường liên thôn cắt tới đường 35 (gần trụ sở UBND xã TL), mục đích sản xuất nông nghiệp trồng rau muống và cấy lúa (đất không có số ô, số thửa). Việc ông T1 có canh tác được một số hộ gia đình canh tác gần đó công nhận và bà T là vợ ông T1 cùng công nhận là thực. Sau này thửa đất có số thửa 32, tờ bản đồ số 17(16), diện tích 69m^2, xứ ĐCĐ.

Qua xác minh tại UBND xã TL và các tài liệu lưu giữ tại UBND xã và thống kê diện tích canh tác và sản lượng ghi thu thì thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17(16), diện tích 69m^2, xứ ĐCĐ đã được HTX thôn PH giao cho gia đình ông Nguyễn Xuân M quản lý sử dụng từ năm 1993, theo nghị định 64/CP cho đến nay. Đất chưa được UBND huyện ML cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy thửa đất tranh chấp số 32, tờ bản đồ số 17(16), diện tích 69m^2, xứ ĐCĐ đã được HTX thôn PH , xã TL giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân M canh tác từ năm 1993 theo Nghị định 64/CP. Trước năm 1993, ông Lê Văn T1 khai hoang và trồng rau muống và cấy lúa tại vị trí thửa đất gần UBND xã TL (thửa đất đang có tranh chấp với ông M hiện nay) là có thực, có bà T (là vợ cũ của ông T1 xác nhận). Nhưng từ năm 1993 cho đến nay, thửa đất này đã được HTX thôn PH , xã TL, huyện ML giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân M quản lý sử dụng, gia đình ông M nộp thuế và sản lượng theo quy định hàng năm. Mặt khác ông T1 không có bất kỳ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh ông được giao quản lý sử dụng thửa ruộng này. Do vậy căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện diện tích đất tranh chấp tại thửa số 32, tờ bản đồ số 17(16), diện tích 69m^2, xứ ĐCĐ thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân M. Như vậy, yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo biên bản định giá ngày 01/3/2023 của Hội đồng định giá huyện ML thì tài sản tranh chấp là 69m^2 x 158.000đ/m^2 = 10.902.000đ

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông M, ông T2 và bà H trình bày: gia đình ông Nguyễn Xuân M đã bán thửa đất cho vợ chồng ông Hà Văn T2, bà Lê Thị H.Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông T2 bà H, ông T2 bà Hxác nhận có mua thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17(16), diện tích 69m^2, xứ ĐCĐ của gia đình ông Nguyễn Xuân M nhưng các bên không có tranh chấp gì, và không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kể quan hệ gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Ông Lê Văn T1. Bản án sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện ML, Thành phố Hà Nội là đúng pháp luật nhưng cần sửa về cách tuyên án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí: Ông Lê Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 148; Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 690 Bộ luật dân sự năm 1995

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện ML, Thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T1 đối với ông Nguyễn Xuân M về yêu cầu ông Nguyễn Xuân M phải trả lại Ông Lê Văn T1 quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17a, thôn PH, xã TL, huyện ML, Hà Nội

2. Về án phí: Ông Lê Văn T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

<u>Nơi nhận</u>:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện ML;
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Anh